

Số: 145/2015/NQ-HĐND

Đà Lạt, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA VIII, KỶ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X, nhiệm kỳ 2016 - 2020 (số 01-NQ/ĐH ngày 02/11/2015);

Sau khi xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; thống nhất với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, huy động mọi nguồn lực, phát huy tiềm năng lợi thế so sánh của địa phương; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, hội nhập và hợp tác quốc tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường công tác quản lý bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng bộ máy chính

quyền trong sạch, vững mạnh gắn gũi với nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tiếp tục đưa Lâm Đồng phát triển nhanh và bền vững.

2. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế:

a) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 (theo giá 2010) đạt 8,0 - 9,0%;

b) GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 70 - 73 triệu đồng (tương đương khoảng 3.200 USD - 3.500 USD);

c) Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 (giá hiện hành): dịch vụ 33,5 - 34%; nông, lâm, thủy sản 46 - 46,5%; công nghiệp - xây dựng 19,5 - 20%;

d) Tổng thu ngân sách nhà nước bình quân năm tăng từ 10 - 12%; trong đó, thu thuế, phí bình quân năm tăng từ 12 - 14%;

e) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội hàng năm đạt khoảng 36% GRDP;

f) Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 14 - 15%, đến năm 2020 đạt khoảng 750 - 800 triệu USD;

g) Số lượt khách du lịch hàng năm tăng từ 8 - 10%, trong đó khách quốc tế chiếm từ 10 - 12%.

2.2. Chỉ tiêu văn hóa, xã hội:

a) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2020 khoảng 1,02%;

b) Phần đầu giảm nghèo bình quân hàng năm tối thiểu 1,5 - 2%; riêng hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm tối thiểu 2 - 3% (theo tiêu chí mới);

c) Đến năm 2020, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp; 80% thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương; 75% - 80% trường công lập đạt chuẩn quốc gia;

d) Đến năm 2020, 80% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, có từ 7 - 8 bác sỹ/vạn dân;

e) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 75 - 80%;

f) Đến năm 2020, có ít nhất 90 xã (tương ứng 77% tổng số xã của toàn tỉnh); 08 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;

g) Đến năm 2020, có: 85 - 90% hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá; 85 - 90% thôn và 77% số xã trở lên đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 90% tổ dân phố và 80% phường, thị trấn trở lên đạt chuẩn văn minh đô thị; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

2.3. Chỉ tiêu đô thị, nông thôn, môi trường:

a) Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2020 tối thiểu đạt 55%;

b) Đến năm 2020, có trên 95% rác thải đô thị, trên 80% rác thải nông thôn được thu gom và xử lý; thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với hoạt động xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

c) Đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân vùng đô thị sử dụng nước sạch đạt từ 70% trở lên; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 90%.

3. Các chương trình trọng tâm và dự án, công trình trọng điểm

3.1. Chương trình trọng tâm:

- a) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ;
- b) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- c) Phát triển dịch vụ du lịch chất lượng cao;
- d) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

3.2. Dự án, công trình trọng điểm:

- a) Đường Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương;
- b) Hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận;
- c) Khu công - nông nghiệp Tân Phú;
- d) Khu Công nghệ thông tin tập trung;
- e) Các khu du lịch: Đan Kia - Suối Vàng, hồ Đại Ninh, hồ Tuyên Lâm;
- f) Các dự án thủy lợi: Đạ Sị, Đông Thanh, KaZam;
- g) Khu Trung tâm Hòa Bình - thành phố Đà Lạt;
- h) Trung tâm Văn hóa - Thể thao Lâm Đồng.

4. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

4.1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến 2020; Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 704/QĐ-TTg, ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Rà soát điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và quy hoạch phát triển vùng; chú trọng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh,...đảm bảo phù hợp quy hoạch chung đã được phê duyệt.

4.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trên cơ sở tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng bằng các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, sát với thực tiễn; tập trung phát triển một số ngành mũi nhọn có tiềm năng và hình thành các vùng kinh tế động lực cho phát triển. Khai thác có hiệu quả các dự án lớn đã và đang triển khai thực hiện trên địa bàn.

4.3. Tập trung nguồn lực thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chuỗi giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học gắn với công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch, phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, liên kết, ưu tiên phát triển các cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 575/QĐ-TTg, ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Xây dựng thành phố Đà Lạt thành trung tâm nghiên cứu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao cấp quốc gia và quốc tế. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành, cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp; chú trọng việc xây dựng và quảng bá thương hiệu các mặt hàng nông sản, tăng cường xúc tiến thương mại mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tận dụng cơ hội của hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) để phát triển nông nghiệp bền vững.

Thúc đẩy mạnh mẽ việc liên kết, hợp tác, hình thành các mô hình tổ chức phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng giá trị hàng hóa nông sản; tiếp tục xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững; phấn đấu đến năm 2020, tỉnh Lâm Đồng đạt chuẩn nông thôn mới.

Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng theo quy hoạch 3 loại rừng, tiếp tục thực hiện xã hội hóa nghề rừng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng; thực hiện nghiêm chủ trương của Chính phủ về việc ngừng khai thác rừng tự nhiên.

4.4. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch: Phát huy lợi thế về khí hậu, cảnh quan, môi trường để phát triển dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế động lực, ưu tiên phát triển du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch hội nghị, hội thảo, du lịch canh nông, xây dựng các sản phẩm, thương hiệu du lịch đặc sắc; xây dựng Đà Lạt và một số địa phương thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, hội nghị, hội thảo mang tầm khu vực và quốc tế. Tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư tâm huyết, thực sự có năng lực đầu tư vào Khu du lịch nghỉ dưỡng Đan Kia - Đà Lạt, Khu du lịch Đại Ninh và Khu du lịch vui chơi, giải trí Prenn.

Đa dạng hóa các loại hình vận tải, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải đầu tư nâng cao chất lượng phương tiện, dịch vụ và củng cố, phát triển thương hiệu có khả năng cạnh tranh và tạo mối liên kết, hợp tác cùng phát triển. Hiện đại hóa mạng lưới bưu chính, viễn thông để cung cấp tất cả các dịch vụ đến các điểm phục vụ, chú trọng phát triển các dịch vụ mới. Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp, chất lượng cao; khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông để phát triển sản xuất kinh doanh, cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử.

4.5. Phát triển công nghiệp của tỉnh gắn với định hướng phát triển của vùng Tây Nguyên và khu vực lân cận, phát triển ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản có lợi thế cạnh tranh và sử dụng nguyên liệu tại chỗ, có khả năng xuất khẩu và giải quyết được nhiều việc làm; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu các mặt hàng nông sản: trà, cà phê, dâu tằm, chế biến sữa, phân loại, bảo quản rau, hoa,...; kêu gọi đầu tư Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú; phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển dịch vụ - du lịch; khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gắn với vùng nguyên liệu. Tiếp tục đề xuất, kiến

ngiht đầu tư công nghiệp luyện nhôm tại Tân Rai, huyện Bảo Lâm; đôn đốc hoàn thành các dự án thủy điện theo quy hoạch.

4.6. Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, thủy lợi và đô thị; phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương mời gọi đầu tư đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, phân đấu hoàn thành đưa và sử dụng trước năm 2020; xây dựng và phát triển các đô thị theo hướng đô thị xanh, đô thị du lịch, khoa học và văn hóa - nghệ thuật; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên cơ sở quy hoạch và quản lý chặt chẽ quy hoạch.

Ban hành kế hoạch, lộ trình thực hiện Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt; phân đấu đến năm 2020, Đà Lạt và vùng phụ cận cơ bản đủ tiêu chí của một thành phố trực thuộc Trung ương và hướng đến xây dựng đô thị văn minh; thành phố Bảo Lộc trở thành đô thị loại 2 và Đức Trọng thành đô thị loại 3.

Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư; tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình thu hút đầu tư đối với các dự án ODA và FDI để nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư; đẩy mạnh và phát triển mối quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, trở thành đối tác phát triển của các nhà tài trợ lớn WB, ADB... Đa dạng các phương thức mời gọi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng (*PPP, BOT, BTO, BT, BOO; đổi giá trị quyền sử dụng đất lấy cơ sở hạ tầng ...*).

Khẩn trương nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa xã hội, y tế, giáo dục, nước sạch nông thôn, xử lý rác thải, xây dựng nhà ở cho công nhân, người thu nhập thấp... theo quy hoạch và theo danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh đã ban hành.

4.7. Hiện đại hóa công tác quản lý thu thuế, cải cách, đơn giản hóa và công khai minh bạch các thủ tục, nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế. Đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thuế, phí. Xây dựng đề án quản lý thuế mới trên các lĩnh vực. Tiếp tục tăng cường các biện pháp chống thất thu, gian lận và hạn chế nợ đọng thuế; đồng thời, thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Quản lý, điều hành chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bảo đảm cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn thu, chi ngân sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

4.8. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch; triển khai có hiệu quả chương trình hành động quốc gia về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính; quản lý, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, nâng cao chất lượng rừng; bảo vệ có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo phòng, tránh, chủ động khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

4.9. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội: bám sát mục tiêu, nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong sự nghiệp phát



triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng Lâm Đồng thành trung tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Tây Nguyên; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành; xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam ở địa phương, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc.

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức. Đặc biệt, chú trọng đào tạo nhân lực có trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề; đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

4.10. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, tập trung ưu tiên nguồn lực cho các xã, thôn nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm công tác giảm nghèo bền vững, nhất là giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động; đảm bảo an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công; giải quyết tốt vấn đề di dân tự do.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các dự án, chương trình đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xây dựng mô hình điểm về sản xuất hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển sản xuất; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở; tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

4.11. Tiếp tục xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh trật tự, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp tội phạm, làm tốt công tác dự báo và xử lý tình hình, không để bị động, bất ngờ; đảm bảo ổn định chính trị xã hội, giữ bình yên cho cuộc sống của nhân dân.

4.12. Xây dựng và triển khai chương trình tổng thể về hội nhập quốc tế, đặc biệt việc gia nhập cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015; đẩy mạnh quan hệ đối ngoại với các cơ quan đại diện các nước, tổ chức quốc tế tại Việt Nam; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

4.13. Tiếp tục xây dựng, củng cố chính quyền các cấp vững mạnh, gần gũi, gắn bó với nhân dân; đẩy mạnh cải cách hành chính, quan tâm xây dựng chính quyền điện tử và cải thiện môi trường kinh doanh; phát huy sự năng động, sáng tạo, quyết liệt và hiệu quả trong lãnh đạo, điều hành; làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ; chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí thực hành tiết kiệm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tố cáo của công dân; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp.

4.14. Tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh toàn dân; nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội.

4.15. Thường xuyên phát động và duy trì các phong trào thi đua yêu nước bằng nhiều nội dung, hình thức phù hợp, thiết thực; kịp thời phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa và chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh; kịp thời đề xuất, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động nhân dân và các đoàn viên, hội viên của mình tích cực tham gia thực hiện và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh, toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên địa bàn toàn tỉnh phát huy tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu, tận dụng thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, VPQH, CP, VPCP, VPCTN;
- Website Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- TTTU, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá VIII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo LĐ “để đưa tin”
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh “để đăng”;
- Lưu VP, hồ sơ kỳ họp, Ph.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến